GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **142** /QĐ-HĐTS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Gia Lai Nhiệm kỳ I (2026 - 2031)

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- *Căn cứ Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo;*
- *Căn cứ Công văn 819/SDTTG-TG ngày 07/04/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Gia Lai;*
- *Căn cứ Tờ trình số 02/TTr-BTS ngày 10/05/2026 của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Gia Lai về việc đề nghị chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ I (2026-2031).*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ I (2026-2031), gồm 14 thành viên Chứng minh Ban Trị sự; 12 thành viên Chứng minh Phân Ban Ni giới; 104 thành viên Ban Trị sự *(Ban Thường trực 35 vị, Ủy viên 59 vị, Ủy viên dự khuyết 10 vị)* do Thượng toạ Thích Tâm Mãn làm Trưởng ban.

Điều 2: Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, Chánh Văn phòng 2 Trung ương GHPGVN, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Gia Lai và các vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Bộ DTTG, Ban TGCP;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- UBMTTQVN tỉnh Gia Lai;
- Sở DTTG tỉnh Gia Lai;
- PA02 CA tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VP1, VP2.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0019
Số: 142/QĐ-HĐTS · 19/05/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH GIA LAI
NHIỆM KỲ I (2026-2031)

(Theo Quyết định số 142 /QĐ-HĐTS ngày 19/05/2026)

A. CHỨNG MINH BAN TRỊ SỰ: 14 vị.

1. Hòa thượng Thích Liễu Giải
2. Hòa thượng Thích Trí Giác
3. Hòa thượng Thích Nguyên Phước
4. Hòa thượng Thích Trí Thạnh
5. Hòa thượng Thích Nguyên Chơn
6. Hòa thượng Thích Viên Đạt
7. Hòa thượng Thích Như Quang
8. Hòa thượng Thích Thanh Liên
9. Hòa thượng Thích Thông Đạt
10. Hòa thượng Thích Từ Vân
11. Hòa thượng Thích Giác Thành
12. Hòa thượng Thích Tâm Tường
13. Hòa thượng Thích Giác Tâm
14. Hòa thượng Thích Chúc Thọ

C. BAN TRỊ SỰ: 104 thành viên.

I. Ban Thường trực: 35 vị.

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**TT. Thích Tâm Mãn** (Trần Phúc Tri)	1970	Trưởng ban Trị sự; Phụ trách Tăng sự
2	**TT. Thích Đồng Thành** (Võ Mộng Độc Lập)	1975	Phó Trưởng Ban Thường trực
3	**TT. Thích Nhuận Trí** (Hà Thanh Tú)	1975	Phó Trưởng Ban Trị sự; Chánh Thư ký

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
4	**TT. Thích Quảng Duy** (Văn Trung Quốc)	1975	Phó Trưởng Ban Trị sự
5	**TT. Thích Viên Chơn** (Lê Hữu Thành)	1976	Phó Trưởng Ban Trị sự
6	**TT. Thích Giác Duyên** (Lê Văn Tùng)	1964	Phó Trưởng Ban Trị sự
7	**TT. Thích Đồng Giải** (Phan Đức Thắng)	1978	Phó Trưởng Ban Trị sự
8	**TT. Thích Quảng Dũng** (Nguyễn Hữu Nghĩa)	1979	Phó Trưởng Ban Trị sự
9	**TT. Thích Nhuận Hồng** (Trần Trắng)	1977	Phó Trưởng Ban Trị sự
10	**ĐĐ. Thích Quảng Thái** (Thái Tuấn Anh)	1979	Phó Trưởng Ban Trị sự
11	**ĐĐ. Thích Lệ Liên** (Nguyễn Ngọc Phẩm)	1981	Phó Chánh Thư ký; Chánh Văn phòng
12	**TT. Thích Nhuận Hiếu** (Trần Hải)	1979	Phó Chánh Thư ký
13	**TT. Thích Hạnh Chơn** (Nguyễn Thành Hưng)	1976	Phó Thư ký; Phụ trách Thông tin Truyền thông
14	**TT. Thích Quảng Phước** (Nguyễn Tấn Lợi)	1978	Ủy viên Thường trực; Phụ trách Giáo dục Phật Giáo
15	**ĐĐ. Thích Nhuận Huệ** (Phan Văn Phúc)	1982	Ủy viên Thường trực; Phụ trách Hướng dẫn Phật tử - Hoằng Pháp
16	**ĐĐ. Thích Lệ Cần** (Bùi Văn Nuôi)	1970	Ủy viên Thường trực; Phụ trách Nghi lễ - Văn hóa
17	**TT. Thích Nhuận Nhàn** (Phan Tấn Thanh)	1968	Ủy viên Thường trực; Phụ trách Kinh tế Tài chánh - Từ Thiện Xã hội
18	**TT. Thích Lệ Sáng** (Phạm Hùng Hậu)	1972	Ủy viên Thường trực; Phụ trách Phật giáo Quốc Tế
19	**TT. Thích Vạn Đạt** (Đào Trọng Phát)	1980	Ủy viên Thường trực; Phụ trách Pháp chế - Kiểm Soát
20	**NS. Thích nữ Minh Tâm** (Võ Thị Minh Tâm)	1965	Ủy viên Thường trực; Phụ trách Phân ban Ni giới
21	**NS. Thích nữ Minh Kiểu** (Nguyễn Thị Thanh)	1968	Ủy viên Thường trực; Thủ quỹ
22	**TT. Thích Giác Tri** (Trần Văn Hiến)	1972	Ủy viên Thường trực
23	**TT. Thích Giác Quang** (Ngô Thanh Kỷ)	1979	Ủy viên Thường trực
24	**TT. Thích Thông Huệ** (Phạm Văn Lộc)	1978	Ủy viên Thường trực

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
25	**TT. Thích Lệ Tân** (Nguyễn Văn Nhựt)	1976	Ủy viên Thường trực
26	**ĐĐ. Thích Thường Chiếu** (Nguyễn Khải Ngộ)	1982	Ủy viên Thường trực
27	**ĐĐ. Thích Nhuận Hưng** (Võ Minh Long)	1976	Ủy viên Thường trực
28	**ĐĐ. Thích Giác Khánh** (Đặng Ngọc Khanh)	1982	Ủy viên Thường trực
29	**ĐĐ. Thích Quang Trường** (Nguyễn Phúc Thọ)	1982	Ủy viên Thường trực
30	**ĐĐ. Thích Trung Không** (Phan Ngọc Pháp)	1980	Ủy viên Thường trực
31	**ĐĐ. Thích Quang Hướng** (Phan Thanh Phương)	1988	Ủy viên Thường trực
32	**ĐĐ. Thích Giác Tịnh** (Phạm Văn Duy)	1979	Ủy viên Thường trực
33	**ĐĐ. Thích Hạnh Ý** (Trần Minh Phước)	1987	Ủy viên Thường trực
34	**NS. Thích nữ Minh Tấn** (Lê Trần Thị Mỹ Ngọc)	1968	Ủy viên Thường trực
35	**Cư sĩ Thiện Hải** (La Văn Vĩnh)	1963	Ủy viên Thường trực

II. Ủy viên Ban Trị sự: 59 Vị

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**TT. Thích Trí An** (Lê Văn Hào)	1969	Ủy viên
2	**TT. Thích Giác Khai** (Lê Hồng Ngọc)	1967	Ủy viên
3	**ĐĐ. Thích Đồng Tấn** (Trần Văn Phúc)	1978	Ủy viên
4	**ĐĐ. Thích Đức Thi** (Phan Đình Khoa)	1979	Ủy viên
5	**ĐĐ. Thích Vạn Từ** (Nguyễn Tuấn Anh)	1999	Ủy viên
6	**ĐĐ. Thích Vạn Chơn** (Phạm Ngọc Huy)	1984	Ủy viên
7	**ĐĐ. Thích Giác Minh Nguyên** (Lữ Văn Lộc)	1986	Ủy viên
8	**ĐĐ. Thích Lệ Quang** (Trần Kim Quy)	1986	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
9	**ĐĐ. Thích Đồng Trung** (Võ Minh Trung)	1988	Ủy viên
10	**ĐĐ. Thích Trung Từ** (Phạm Đức Phi)	1989	Ủy viên
11	**ĐĐ. Thích Nhuận Chương** (Phan Tấn Huy)	1991	Ủy viên
12	**ĐĐ. Thích Đức Chánh** (Nguyễn Ngọc Phụng)	1983	Ủy viên
13	**ĐĐ. Thích Nhật Thành** (Nguyễn Trí Thủ)	1992	Ủy viên
14	**ĐĐ. Thích Vạn Đức** (Lê Văn Thắng)	1993	Ủy viên
15	**ĐĐ. Thích Trung Tịnh** (Phan Công Yên)	1994	Ủy viên
16	**ĐĐ. Thích Trung Nghiêm** (Lê Trọng Cương)	1994	Ủy viên
17	**ĐĐ. Thích Nhật Cầu** (Đoàn Minh Trưng)	1996	Ủy viên
18	**ĐĐ. Thích Vạn Thịnh** (Bùi Khắc Hải)	1995	Ủy viên
19	**ĐĐ. Thích Thị Chính** (Phan Chí Công)	1988	Ủy viên
20	**ĐĐ. Thích Giác Minh Tin** (Trần Xuân Tiến)	1991	Ủy viên
21	**ĐĐ. Thích Trung Ngôn** (Nguyễn Thành Khôi)	1996	Ủy viên
22	**ĐĐ. Thích Trung Kính** (Nguyễn Trung Thành)	1992	Ủy viên
23	**ĐĐ. Thích Vạn Lộc** (Nguyễn Phong Phú)	1996	Ủy viên
24	**ĐĐ. Thích Trung Thiện** (Trịnh Thế Hoàng)	1995	Ủy viên
25	**TT. Thích Quảng Nhơn** (Cao Xuân Thiện)	1966	Ủy viên
26	**TT. Thích Nhuận Tài** (Phạm Văn Khớ)	1973	Ủy viên
27	**TT. Thích Thị Tấn** (Tô Văn Đạo)	1971	Ủy viên
28	**TT. Thích Quảng Giác** (Trần Văn Bằng)	1967	Ủy viên
29	**ĐĐ. Thích Nhuận Quang** (Lê Anh Nhật)	1994	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
30	**ĐĐ. Thích Hữu Nhã** (Cao Hữu Hòa)	1994	Ủy viên
31	**ĐĐ. Thích Đồng Liên** (Phạm Thiện Hồng)	1978	Ủy viên
32	**ĐĐ. Thích Nhuận Nghĩa** (Nguyễn Văn Hiếu)	1980	Ủy viên
33	**ĐĐ. Thích Vạn Kim** (Nguyễn Văn Tốt)	1980	Ủy viên
34	**ĐĐ. Thích Nhuận Tịnh** (Phạm Viết Cường)	1975	Ủy viên
35	**ĐĐ. Thích Đồng Thuận** (Nguyễn Thành Luân)	1994	Ủy viên
36	**ĐĐ. Thích Quang Sơn** (Nguyễn Thanh Hải)	1979	Ủy viên
37	**ĐĐ. Thích Hữu Huy** (Dương Thái Quang)	1990	Ủy viên
38	**ĐĐ. Thích Quảng Nhuận** (Lâm Sanh Thuận)	1981	Ủy viên
39	**ĐĐ. Thích Nhuận Thịnh** (Trần Đình Phùng)	1985	Ủy viên
40	**ĐĐ. Thích Đức Chánh** (Lê Thanh Thân)	1994	Ủy viên
41	**ĐĐ. Thích Đồng Ngữ** (Ca Xuân Thoại)	1985	Ủy viên
42	**ĐĐ. Thích Đồng Tâm** (Mai Đức Trọng)	1994	Ủy viên
43	**ĐĐ. Thích Nhuận Lâm** (Dương Văn Bảo)	1993	Ủy viên
44	**ĐĐ. Thích Trí Phú** (Huỳnh Minh Trọng)	1991	Ủy viên
45	**ĐĐ. Thích Thị Hòa** (Cao Văn Nam)	1989	Ủy viên
46	**ĐĐ. Thích Nhuận Tiến** (Huỳnh Thanh Tấn)	1990	Ủy viên
47	**ĐĐ. Thích Quảng Trọng** (Võ Đình Quý)	1987	Ủy viên
48	**NS. Thích nữ Tịnh Tâm** (Phan Thị Kỳ)	1972	Ủy viên
49	**NS. Thích nữ Quảng Như** (Trần Thị Ngọc Huyền)	1971	Ủy viên
50	**NS. Thích nữ Hoa Liên** (Đinh Thị Lý)	1974	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
51	**NS. Thích nữ Nhuận Thành** (Đinh Thị Thiêng)	1975	Ủy viên
52	**NS. Thích nữ Minh Lạc** (Nguyễn Thị Hồng Yến)	1969	Ủy viên
53	**NS. Thích nữ Huệ Tín** (Đỗ Thị Sương)	1965	Ủy viên
54	**SC. Thích nữ Quang Thuần** (Lại Thị Diễm Túy)	1969	Ủy viên
55	**SC Thích nữ Quảng Yến** (Đặng Ngọc Phương Oanh)	1972	Ủy viên
56	**SC Thích nữ Diệu Lam** (Văn Thị Hoài)	1991	Ủy viên
57	**SC. Thích nữ Minh Ý** (Lê Thị Cẩm Vân)	1984	Ủy viên
58	**SC. Thích nữ Minh Nghĩa** (Lê Thị Nghĩa)	1988	Ủy viên
59	**SC. Thích Nữ Minh Giác** (Đinh Thị Thuận Thành)	1987	Ủy viên

III. Ủy viên Dự khuyết: 10 vị

STT.	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**ĐĐ. Thích Đồng Hội** (Đặng Văn Tùng)	1996	Ủy viên dự khuyết
2	**ĐĐ. Thích Nhuận Phát** (Nguyễn Viết Hưng)	1989	Ủy viên dự khuyết
3	**ĐĐ. Thích Trung Nguyện** (Phạm Trung Tín)	1997	Ủy viên dự khuyết
4	**ĐĐ. Thích Trung Độ** (Nguyễn Minh Đi)	1999	Ủy viên dự khuyết
5	**ĐĐ. Thích Vạn Hoàng** (Phan Từ Huy)	1998	Ủy viên dự khuyết
6	**ĐĐ. Thích Vạn Thọ** (Trần Bảo Toản)	2001	Ủy viên dự khuyết
7	**SC. Thích nữ Huệ Mãn** (Trương Thị Thịnh)	1980	Ủy viên dự khuyết
8	**SC. Thích nữ Minh Đạo** (Nguyễn Thị Bảy)	1978	Ủy viên dự khuyết
9	**SC. Thích nữ Đồng Xuân** (Đào Thị Minh Hà)	1979	Ủy viên dự khuyết
10	**SC. Thích nữ Nguyên Nghiêm** (Hoàng Thị Thanh)	1996	Ủy viên dự khuyết

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0019
Số: 142/QĐ-HĐTS · 19/05/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc